

Số: 10 /QĐ-XHNV-TTPC-SHTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý tài sản trí tuệ của
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/6/2012, được sửa đổi bổ sung theo Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009 và Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về “Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên”;

Căn cứ Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 84/2015/QĐ-ĐHQG ngày 06/02/2015 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về “Ban hành Quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ-XHNV-TCCB ngày 09/12/2016 do Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về “Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế - Sở hữu trí tuệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “Quy chế quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 01/QĐ-XHNV-TTPC-SHTT ngày 19/01/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế quản lý tài sản trí tuệ.

Điều 3. Ông (Bà) Trưởng các đơn vị, viên chức, người lao động và người học thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Các đơn vị;
- Lưu: HCTH, TTPC-SHTT



Ngô Thị Phương Lan

QUY CHẾ

Quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-XHNV-TTPC-SHTT ngày 21 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về việc quản lý tài sản trí tuệ trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM hoặc gọi chung là Trường/Nhà trường), bao gồm: xác định tác giả, chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động quản lý và khai thác tài sản trí tuệ, tổ chức quản lý và khai thác tài sản trí tuệ, phân chia lợi ích từ việc khai thác tài sản trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

2. Sáng kiến, các quy trình nghiệp vụ nội bộ, văn bản hành chính không phải là đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Viên chức và người lao động (VC-NLĐ) đang công tác tại Trường;
2. Các phòng/ban, khoa/bộ môn, trung tâm và các đơn vị khác thuộc, trực thuộc Trường (sau đây gọi chung là đơn vị thuộc, trực thuộc);
3. Nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên, học viên thuộc các hệ đào tạo của Trường (sau đây gọi chung là người học);
4. Thực tập sinh, cộng tác viên và các đối tượng khác đến làm việc, nghiên cứu khoa học, khảo sát và/hoặc tiến hành các hoạt động khác tại Trường (sau đây gọi chung là cộng tác viên);
5. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có mối quan hệ cộng tác với Trường.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, trên cơ sở quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài sản trí tuệ* là các sản phẩm được sáng tạo, phát sinh trong quá trình giảng dạy, học tập nghiên cứu của VC-NLĐ và người học bao gồm: luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp; đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu; báo cáo nghiên cứu khoa học; đề án, dự án; kỷ yếu hội nghị, hội thảo, tọa đàm do Trường tổ chức; các bài nghiên cứu; giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, bài giảng, chương trình máy tính và các sản phẩm trí tuệ khác.

2. *Quyền sở hữu trí tuệ* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

3. *Tác giả* là người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm khoa học, văn học và nghệ thuật. Trong trường hợp có hai người trở lên cùng tham gia sáng tạo tác phẩm thì tất cả những người đó đều được thừa nhận là đồng tác giả của tác phẩm. Tổ chức, cá nhân làm công việc hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo ra tác phẩm không được công nhận là tác giả.

4. *Chủ sở hữu quyền tác giả* là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ quyền tài sản đối với tác phẩm khoa học, văn học và nghệ thuật.

5. *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

6. *Quyền liên quan đến quyền tác giả* (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

7. *Quyền nhân thân* bao gồm các quyền sau đây:

- a) Đặt tên cho tác phẩm;
- b) Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;
- c) Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;
- d) Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào, gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

8. *Quyền tài sản* bao gồm các quyền sau đây:

- a) Làm tác phẩm phái sinh;
- b) Biểu diễn tác phẩm trước công chúng;
- c) Sao chép tác phẩm;
- d) Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;
- đ) Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác;

e) Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.

9. *Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ* là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

10. *Tác phẩm* là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực khoa học, văn học và nghệ thuật thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

11. *Bản gốc tác phẩm* là bản được tồn tại dưới dạng vật chất mà trên đó việc sáng tạo tác phẩm được định hình lần đầu tiên bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

12. *Bản sao tác phẩm* là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ tác phẩm. Bản sao chụp tác phẩm cũng là bản sao tác phẩm.

13. *Tác phẩm phái sinh* là tác phẩm được sáng tạo dựa trên tác phẩm đã có, bao gồm tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.

14. *Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố* là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng với một số lượng bản sao hợp lý.

15. *Sao chép* là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo bản sao dưới hình thức điện tử.

16. *Phát sóng* là việc truyền âm thanh hoặc hình ảnh hoặc cả âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh để công chúng có thể tiếp nhận được tại địa điểm và thời gian do chính công chúng lựa chọn.

17. *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng ứng dụng các quy luật tự nhiên.

18. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc, hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

19. *Chương trình máy tính* là tập hợp các chỉ dẫn được thể hiện dưới dạng các lệnh, các mã, lược đồ hoặc bất kỳ dạng nào khác, khi gắn vào một phương tiện mà máy tính đọc được, có khả năng làm cho máy tính thực hiện được một công việc hoặc đạt được một kết quả cụ thể.

20. *Sưu tập dữ liệu* là tập hợp có tính sáng tạo thể hiện ở việc tuyển chọn, sắp xếp các tư liệu dưới dạng điện tử hoặc dạng khác.

21. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

22. *Tên thương mại* là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh. Khu vực kinh doanh là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

23. *Văn bằng bảo hộ* là văn bằng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.

24. *Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ* là hoạt động chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ hoặc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ.

25. *Nhiệm vụ được giao* là công việc thực hiện căn cứ vào hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động, quyết định giao nhiệm vụ của Hiệu trưởng và căn cứ trên chức năng, nhiệm vụ của các cá nhân, đơn vị theo quy định của Trường.

26. *Nguồn lực của Nhà trường* bao gồm nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất - trang thiết bị, tư liệu, dữ liệu và các nguồn lực khác của Trường.

27. *Trung tâm tư liệu* là tên gọi chung để chỉ nơi lưu trữ tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường.

28. *Trang web học liệu* là trang web đăng tải tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường.

Điều 4. Quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động của Trường

Các quyền sở hữu trí tuệ phát sinh trong hoạt động của Trường bao gồm:

1. Quyền tác giả đối với luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp; đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu; báo cáo nghiên cứu khoa học; đề án, dự án; kỷ yếu hội nghị, hội thảo, tọa đàm do Trường tổ chức; các bài nghiên cứu; giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, bài giảng, chương trình máy tính và các sản phẩm trí tuệ khác được thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào.
2. Quyền liên quan đến quyền tác giả đối với bản ghi âm, ghi hình về các chương trình hoạt động của Trường do Trường thực hiện hoặc giao kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện.
3. Thương hiệu của Trường.
4. Các quyền khác theo Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 5. Mục đích quản lý tài sản trí tuệ

Quản lý tài sản trí tuệ nhằm mục đích thúc đẩy hoạt động sáng tạo, nhận diện, ghi nhận, xác lập quyền, bảo vệ và khai thác thương mại hiệu quả các tài sản trí tuệ được tạo ra trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường, của các cá nhân, đơn vị thuộc, trực thuộc Trường; hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa

học; tạo nguồn thu bổ sung để phát triển Nhà trường, đồng thời góp phần phát triển đất nước.

Điều 6. Các nội dung quản lý tài sản trí tuệ

Hoạt động quản lý tài sản trí tuệ trong Trường bao gồm:

1. Nhận diện, ghi nhận, xác định quyền sở hữu, quyền tác giả đối với các tài sản trí tuệ do VC-NLĐ, đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có mối quan hệ cộng tác với Nhà trường tạo thành.
2. Xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động quản lý và khai thác tài sản trí tuệ.
3. Xây dựng cơ chế và tỷ lệ phân chia lợi ích từ hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ.
4. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật sở hữu trí tuệ của VC-NLĐ, người học và các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường.
5. Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

Chương II

QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 7. Tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Trường

Trường là chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra trong các trường hợp sau đây:

1. Tài sản trí tuệ được tạo ra bởi VC-NLĐ, các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường theo nhiệm vụ được giao, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.
2. Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do Trường đặt hàng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường, trừ trường hợp các hợp đồng này có quy định khác.
3. Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Trường với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường mà trong hợp đồng có quy định các tài sản trí tuệ phát sinh thuộc quyền sở hữu của Trường.
4. Tài sản trí tuệ được tạo ra từ các hoạt động nghiên cứu khoa học có sử dụng nguồn lực của Nhà trường, hoặc nguồn lực do các tổ chức, cá nhân tài trợ cho Nhà trường bao gồm hoạt động nghiên cứu khoa học của VC-NLĐ và của người học, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.
5. Tài sản trí tuệ được các chủ thể khác là chủ sở hữu hợp pháp chuyển nhượng hoặc tặng cho Trường.

Điều 8. Đồng sở hữu tài sản trí tuệ

1. Trường là đồng sở hữu đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng hợp tác nghiên cứu với các đối tác, trong đó sử dụng nguồn lực của các bên, trừ trường hợp hợp đồng đó có quy định khác;

b) Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện các công trình nghiên cứu do VC-NLĐ, người học hoặc đơn vị thuộc, trực thuộc Trường thực hiện, sử dụng nguồn lực của Trường và nguồn lực của cá nhân, tổ chức đó, trừ trường hợp hợp đồng đó có quy định khác.

2. Phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong các trường hợp trên sẽ do các bên tự thỏa thuận, dựa theo tỷ lệ đóng góp của các bên, trên cơ sở nguyên tắc các bên cùng có lợi.

3. Trong trường hợp một đồng sở hữu có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình thì Trường và các đồng sở hữu còn lại được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của VC-NLĐ và các chủ thể khác

1. Tài sản trí tuệ do VC-NLĐ trong Trường và các chủ thể khác tạo ra không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này thuộc sở hữu của người sáng tạo.

2. Quyền sở hữu đối với công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên tạp chí/chuyên san/trang web học liệu của Trường, trên kỷ yếu hội thảo, hội nghị, tọa đàm khoa học do Nhà trường tổ chức/đồng tổ chức thuộc về tác giả của công trình. Trường có quyền khai thác các công trình trên nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Điều 10. Quyền sở hữu trí tuệ của người học

1. Tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của người học thuộc các hệ đào tạo của Nhà trường bao gồm: công trình nghiên cứu khoa học, luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, bài báo khoa học,... thuộc quyền sở hữu của người học. Trường có quyền khai thác các công trình trên nhằm mục đích phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

2. Tài sản trí tuệ được sáng tạo trong quá trình học tập, nghiên cứu có sử dụng nguồn lực của Nhà trường thì Trường là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 11. Quyền của tác giả/đồng tác giả

1. Tác giả hoặc đồng tác giả các tác phẩm được hưởng các quyền nhân thân theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Tác giả, đồng tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả không đồng thời là tác giả sẽ được hưởng nhuận bút, thù lao theo thỏa thuận hoặc quy định của Trường.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ THUỘC TRƯỜNG

Điều 12. Các đơn vị có nhiệm vụ, chức năng quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ

1. Phòng Thanh tra - Pháp chế - Sở hữu trí tuệ (TTPC-SHTT)
 - a) Quản lý, giám sát hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường;
 - b) Tham mưu Ban Giám hiệu những vấn đề phát sinh trong hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường; tư vấn pháp lý về sở hữu trí tuệ cho các đơn vị;
 - c) Thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với tài sản trí tuệ thuộc Trường; hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tài sản trí tuệ của VC-NLĐ thuộc Trường;
 - d) Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ, văn bản quản lý tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM, của Trường;
 - đ) Thanh tra việc thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ trong Trường;
 - e) Hàng năm, lập kế hoạch và dự toán kinh phí hoạt động sở hữu trí tuệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; Định kỳ báo cáo Ban Giám hiệu về kết quả hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường.
2. Phòng Đối ngoại và Quản lý khoa học
 - a) Xây dựng các quy trình thủ tục, biểu mẫu trong việc ghi nhận, khai báo, chuyển nhượng, khai thác tài sản trí tuệ;
 - b) Nhận diện, ghi nhận các loại tài sản trí tuệ do VC-NLĐ toàn Trường tạo lập, trong phạm vi quản lý của đơn vị. Thông báo cho các tác giả, đồng tác giả và đơn vị thuộc, trực thuộc Trường về việc công bố hoặc trì hoãn công bố các tài sản trí tuệ mới phát sinh;
 - c) Lập hồ sơ thống kê, theo dõi tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường; chuyển giao cho Thư viện Trường lưu giữ tập trung và phối hợp quản lý, khai thác;
 - d) Xúc tiến thương mại hóa các tài sản trí tuệ:
 - Có trách nhiệm và được toàn quyền chủ động trong việc xúc tiến thương mại tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Nhà trường;
 - Tham mưu Hiệu trưởng ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng li-xăng, hợp đồng góp vốn, hợp đồng liên doanh/liên kết bằng tài sản trí tuệ của Trường, hợp đồng hợp tác nghiên cứu để tạo lập các tài sản trí tuệ mới.
3. Phòng Sau Đại học và Phòng Đào tạo
 - a) Ghi nhận, thống kê tài sản trí tuệ phát sinh trong hoạt động đào tạo của Nhà trường gồm: luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, khoá luận tốt nghiệp;

b) Thực hiện các nhiệm vụ sở hữu trí tuệ khác theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

4. Thư viện Trường

a) Lưu trữ, sử dụng và khai thác các sản phẩm nghiên cứu khoa học và đào tạo của Nhà trường có trong Thư viện;

b) Thực hiện các nhiệm vụ sở hữu trí tuệ khác theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

5. Hàng năm, Phòng Đối ngoại và Quản lý khoa học, Phòng Sau Đại học, Phòng Đào tạo và Thư viện Trường gửi kế hoạch, dự toán kinh phí và báo cáo về hoạt động sở hữu trí tuệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị về Nhà trường thông qua Phòng TTPC-SHTT.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường

1. Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ, quán triệt văn bản quản lý tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM, của Trường cho VC-NLĐ tại đơn vị.

2. Nhận diện và khai báo các loại tài sản trí tuệ phát sinh trong phạm vi quản lý của đơn vị.

Điều 14. Các hình thức khai thác quyền sở hữu trí tuệ

Việc khai thác quyền sở hữu trí tuệ được tiến hành bằng các hình thức sau:

1. Công bố các kết quả nghiên cứu khoa học dưới mọi hình thức.
2. Phân phối các tác phẩm thuộc sở hữu của Nhà trường dưới mọi hình thức.
3. Chuyển nhượng quyền sở hữu các đối tượng sở hữu trí tuệ.
4. Chuyển quyền sử dụng các đối tượng sở hữu trí tuệ cho các đối tượng có nhu cầu.
5. Các hình thức khai thác khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Thương hiệu của Trường

1. Thương hiệu Trường là tổng hợp những yếu tố tạo nên danh tiếng và năng lực cạnh tranh của Trường, được biểu hiện dưới các hình thức hữu hình và vô hình nhằm quảng bá hình ảnh của Trường.

2. Thương hiệu Trường là tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của Trường bao gồm nhưng không giới hạn các đối tượng sau:

- a) Logo Trường;
- b) Tên gọi Trường (tiếng Việt, tiếng nước ngoài, tên viết tắt);
- c) Các biểu hiện dưới dạng vật chất hữu hình có sử dụng logo và tên gọi Trường.

3. Quản trị thương hiệu Trường là:

- Việc Trường thực hiện các biện pháp để kiểm soát, bảo vệ, khai thác, phát triển và quảng bá thương hiệu Trường thông qua tất cả các hoạt động thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường;

- Tất cả các hoạt động xác lập nguyên tắc, nội dung, quy trình, quy định cụ thể để xây dựng, phát triển, quản lý thương hiệu và hình ảnh của Trường thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao tri thức, phục vụ xã hội, hợp tác quốc tế, hoạt động đoàn thể của Trường.

4. Tất cả các đơn vị, cá nhân trong và ngoài Trường có trách nhiệm tuân thủ Quy định công tác quản trị thương hiệu của Trường.

Điều 16. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hoạt động của Thư viện Trường và các trung tâm tư liệu của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường

1. Mọi hoạt động của Thư viện Trường và trung tâm tư liệu của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đối với các tác phẩm thuộc quyền sở hữu của Trường, Thư viện Trường và trung tâm tư liệu của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường được phép khai thác theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và theo pháp luật hiện hành.

3. Đối với các luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, tiểu luận thuộc quyền sở hữu của người học thuộc các hệ đào tạo của Nhà trường; các ấn phẩm đã đăng trên tạp chí/chuyên san/trang web học liệu của Nhà trường; các bài tham luận hội thảo, kỷ yếu hội thảo do Nhà trường tổ chức/đồng tổ chức, Thư viện Trường được quyền lưu trữ kể cả dưới hình thức số hóa và khai thác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy định của Thư viện.

Điều 17. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hoạt động của tạp chí/chuyên san/trang web học liệu của Trường

1. Hoạt động của tạp chí/chuyên san/trang web học liệu phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Tạp chí/chuyên san/trang web học liệu có quyền công bố, sao chép, lưu trữ, phân phối các tác phẩm đã được đăng tải trong tạp chí/chuyên san/trang web học liệu; truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác.

3. Các tác giả khi gửi bài viết đến tạp chí/chuyên san/trang web học liệu phải cam kết tác phẩm do chính tác giả sáng tạo, không sao chép của người khác. Trong trường hợp tạp chí/chuyên san/trang web có đăng tải tài liệu dịch hoặc tài liệu được đăng lại thì phải được phép và ghi rõ nguồn gốc theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của VC-NLĐ trong khai thác tài sản trí tuệ thuộc Trường

1. Có quyền sử dụng các tài sản trí tuệ của Nhà trường trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hiện các nhiệm vụ khác được Nhà trường giao.

2. Có quyền nhân thân theo pháp luật sở hữu trí tuệ; quyền được hưởng thù lao, nhuận bút và các lợi ích khác từ việc khai thác tài sản trí tuệ của Nhà trường mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả.

3. Đối với công trình nghiên cứu khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Trường, tác giả/đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên sách, tạp chí. Việc công bố chỉ được thực hiện sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Hiệu trưởng.

4. Có nghĩa vụ tuân thủ Quy chế này, các quy định khác có liên quan của Nhà trường và pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của người học trong khai thác tài sản trí tuệ thuộc Trường

1. Có quyền sử dụng tài sản trí tuệ của Trường trong học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng quy định của Nhà trường và pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Có quyền nhân thân theo pháp luật sở hữu trí tuệ; quyền được hưởng thù lao, nhuận bút và các lợi ích khác từ việc khai thác tài sản trí tuệ của Nhà trường mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả.

3. Không được phô - tô tài liệu và sử dụng tài liệu phô - tô trong quá trình học tập tại Trường trừ trường hợp được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép và trường hợp quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và năm 2019.¹

4. Có nghĩa vụ tuân thủ Quy chế này, Quy định về trích dẫn và chống đạo văn của Trường và pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 20. Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ của Trường

1. Trường có thể chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ của Trường cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.

2. Trường có thể nhận chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ thuộc sở hữu của VC-NLD, người học, cộng tác viên theo thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 21. Phân chia lợi ích từ việc khai thác tài sản trí tuệ

1. Việc phân chia lợi ích từ tài sản trí tuệ là sản phẩm của đề tài, dự án sử dụng nguồn lực của Nhà trường được thực hiện theo quy định pháp luật, cụ thể là:

¹ Theo điểm a Khoản 1 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và năm 2019, tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân thuộc trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao.

a) Lợi nhuận thu được chia cho tác giả theo thỏa thuận của các bên nhưng tối thiểu là 30%;

b) Sau khi phân chia cho tác giả, phần lợi nhuận còn lại được quy định như sau:

- 50% dành cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động quản lý tài sản trí tuệ trong Nhà trường;

- 50% dành cho quỹ phúc lợi, khen thưởng.

2. Các vấn đề khác liên quan đến việc khai thác và phân bổ lợi ích từ tài sản trí tuệ sẽ do Ban Giám hiệu quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

Chương IV **XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 22. Xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Các cá nhân, tập thể có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ dưới bất kì hình thức nào, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị Nhà trường xử lý, kỷ luật theo quy định pháp luật và Nhà trường.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quy chế quản lý tài sản trí tuệ của Trường (ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-XHNV-TTPC-SHTT ngày 19/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh).

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cá nhân/đơn vị gửi ý kiến về Phòng TTPC-SHTT. Phòng TTPC-SHTT tổng hợp, xem xét và tham mưu Hiệu trưởng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Phương Lan